

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-PT.

Ngày: 17 - 8 - 2022.

V/v: Tranh chấp đòi quyền sử
dụng đất cho ở nhờ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông.

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, về “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất cho ở nhờ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý T, sinh năm 1966.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lý T1, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Các bị đơn:

2.1 Bà Lý D (chết).

2.2 Ông Nguyễn Q (chết).

2.3 Anh Nguyễn P, sinh năm 1978.

2.4 Anh Nguyễn B, sinh năm 1980.

2.5 Anh Nguyễn M, sinh năm 1981.

2.6 Chị Nguyễn TM, sinh năm 1984.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lý D và ông Nguyễn Q gồm: Anh Nguyễn P, anh Nguyễn B, anh Nguyễn M và chị Nguyễn TM.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn P, anh Nguyễn B và chị Nguyễn TM là: Anh Nguyễn M.

Cùng địa chỉ: Khu vực 1, phường 2, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn M: Luật sư Phan H, Văn phòng Luật sư P, Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Quốc lộ C, khu vực R, phường T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê D- Chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố V.

3.2 Bà Lý 8, sinh năm 1949.

3.3 Bà Châu M, sinh năm 1967.

3.4 Bà Lý C, sinh năm 1994.

3.5 Bà Tô Đ, sinh năm 1959.

3.7 Anh Lý T1, sinh năm 1988.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý 8, bà Châu M, bà Lý C, bà Tô Đ là: Anh Lý T1, sinh năm 1988.

3.6 Bà Lý H, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo:

4.1 Nguyên đơn ông Lý T.

4.2. Các bị đơn anh Nguyễn M, anh Nguyễn P, anh Nguyễn B và chị Nguyễn TM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lý T do anh Lý T1 đại diện trình bày: Trước đây, khoảng năm 1978, ông Lý T có mua của bà 10(hiện đã chết), khi mua không xác định rõ diện tích do là đất rừng chưa khai phá, giá mua là 02 chỉ vàng. Sau khi mua đất thì ông Lý T khai phá trồng khóm, mía và một số cây trồng khác. Ông Lý T có cất một căn nhà lá tạm để ở khi vào làm rẫy và giữ đất nhưng không ở thường xuyên do nhà ở chính là ngoài chợ. Năm 1988 chị ruột của ông Lý T là bà Lý D cùng chồng là ông Nguyễn Q và các con không có chỗ ở (trước đó ở đậu trên đất của bà Lý U), nên ông Lý T có hỏi ý kiến trong gia đình cho vợ chồng bà Lý D và các con về ở nhờ trên căn nhà ông T đã cất sẵn trên đất để sinh sống. Đến năm 1992 và năm 1994 thì cha mẹ chết nên

ông T lập nền mộ chôn cất cha mẹ trên phần đất này. Đến năm 1997, ông Lý T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích tổng cộng là 5.885m². Thời gian gia đình bà Lý D sinh sống trên đất ông T vẫn thường xuyên tới lui canh tác, quản lý đất, cụ thể: Ông T có bỏ tiền ra đầu tư xây mới phủ thờ bằng cây vào năm 2000, đến năm 2012 cùng với bà Lý D sửa lại bằng xây tường xi măng và trồng nhiều loại cây ăn trái. Riêng gia đình bà Lý D khi ở trên đất không có đầu tư. Đến khoảng năm 2016 con của bà Lý D là anh Nguyễn M có xây căn nhà xưởng tạm bằng cây lá để sản xuất nước màu khóm, khi đó ông T có ngăn cản nhưng ông Minh vẫn để căn nhà này cho đến nay. Thời gian gia đình bà Lý D ở trên đất khi có làm gì thì cũng phải thông qua ý kiến của ông T, đến khi các con của bà Lý D lớn lên thì bắt đầu tự làm không thông qua ý kiến của ông T nên mới phát sinh tranh chấp. Năm 2019, ông Lý T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 2 với diện tích là 5.017,4m², đến cuối năm 2019 ông T san lấp con mương, sửa lối đi lại thì xảy ra tranh chấp. Khi tranh chấp gia đình bà Lý D xác định phần đất tranh chấp khi Toà án đo đạc thực tế là 2.369,4m² thuộc một phần thửa số 12 diện tích 1.023,9m²; thửa số 14 diện tích 100m²; một phần thửa 13 diện tích 1.245,5m². Riêng phần đất khu nền mộ của cha mẹ không có tranh chấp diện tích khoảng 1.700m².

Nay ông Lý T yêu cầu tòa án giải quyết: Công nhận cho ông Lý T được quyền sử dụng phần đất tranh chấp. Buộc ông Nguyễn Q, bà Lý D, anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM di dời đi nơi khác trả lại cho ông căn nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc các thửa 12, 13, 14 tờ bản đồ số 34 theo đo đạc thực tế có diện tích là 2.369,4m².

Bị đơn anh Nguyễn M đồng thời đại diện cho các bị đơn anh Nguyễn P, anh Nguyễn B, chị Nguyễn TM và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Q và bà Lý D trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là đất do ông Lý O (cậu ruột) mua dùm cho ông ngoại của anh tên Lý Th, mua của ông Hai Hoa từ năm 1976, đến năm 1979 ông ngoại kêu gia đình anh về ở trên phần đất này từ đó cho đến nay (lúc cho ở không nói cho ở luôn hay cho ở tạm). Quá trình ở trên đất, gia đình anh có khai hoang trồng khóm, mía, các tài sản này hiện không còn. Trên đất hiện nay còn 03 căn nhà, căn nhà đang ở hiện nay do gia đình tự cất, cất năm nào không nhớ, căn nhà làm cơ sở sản xuất nước màu khóm do anh cất năm 2018, căn nhà làm phủ thờ do ông Lý Tuấn và gia đình anh hùn vốn cất năm 2013 mỗi bên hùn ½ giá trị. Hiện nay, cha anh là ông Nguyễn Q và mẹ là bà Lý D đều đã chết. Các anh em của anh gồm Nguyễn M, Nguyễn B, Nguyễn P, Nguyễn TM là người đang ở trên phần đất tranh chấp và kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cha mẹ. Nay anh đại diện cho phía bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận

cho gia đình anh được quyền sử dụng phần đất tranh chấp theo diện tích mà Toà án kết hợp với cơ quan chuyên môn đo đạc thực tế và có yêu cầu phản tố là yêu cầu mở lối đi vào phần đất đang ở với diện tích 72m² (4m x 23,85m).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lý T1 và bà Lý 8, bà Châu M, bà Lý C do anh Lý T1 đại diện và bà Lý H trình bày: Cùng ý kiến với nguyên đơn. Nay yêu cầu công nhận phần đất trên cho ông Lý T và yêu cầu gia đình bà Lý D phải di dời để trả đất cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố V do bà Lê D đại diện trình bày: Phần đất tranh chấp giữa các bên hiện nay thuộc thửa số 12, 13, 14, tờ bản đồ 02 tọa lạc tại Khu vực 1, phường 2, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Các thửa đất này trước đây cấp cho hộ ông Lý T vào năm 1997 (trong hộ ông Lý T không có bà Lý D), khi đó ông T đứng tên trên sổ mục kê nên đủ điều kiện cấp giấy. Tại thời điểm cấp giấy cho hộ ông Lý T là đúng trình tự thủ tục quy định. Đến năm 2019, các thành viên trong hộ gia đình đã làm thủ tục cấp đổi giấy tờ hộ gia đình qua cá nhân ông T. Nay Ủy ban nhân dân thành phố V yêu cầu Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Đ trình bày: Giữa bà và ông Lý T và bà Lý D không có quan hệ họ hàng với nhau, chỉ quen biết với ông Lý T do trước đây làm ăn chung. Bà không có tranh chấp gì trong vụ án này. Lý do bà có tên trong hộ khẩu chung với gia đình ông Lý T là do trước đây (khoảng năm 1993) bà có thoả thuận đứng tên mở quầy bán thuốc tây cho gia đình ông Lý T. Do quy định của Nhà nước thời điểm đó muốn bán thuốc tây phải có hộ khẩu tại nơi đó, nên gia đình ông T và bà có thoả thuận nhập hộ khẩu của bà vào hộ khẩu chung của gia đình ông T thì Nhà nước mới chấp nhận. Đến năm 2005 thì bà không bán thuốc tây cho ông T nữa nên đã tách ra khỏi hộ khẩu của gia đình ông T. Về nội dung hiện nay ông Lý T và bà Lý D có tranh chấp phần đất thì bà không biết. Bà cũng không có ý kiến gì về việc ông T chuyển tên đất từ hộ gia đình sang tên cá nhân ông T.

Người làm chứng bà Lý U trình bày: Bà là chị ruột của ông Lý T và là em ruột của bà Lý D. Theo bà thì phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa gia đình bà Lý D và ông T có nguồn gốc do ông T mua, mua của ai thì bà không biết do lúc đó bà đã có gia đình sống riêng. Mục đích mua phần đất này là để làm khu chôn cất cho gia đình sau này. Sau khi mua đất một thời gian thì ông Tuấn đến nhà bà nói với bà Lý D kêu bà Lý D về ở trên căn nhà ông T đã cất sẵn, do lúc đó bà Lý D, chồng và các con đang ở đậu trong nhà bà. Thời điểm này cha bà tên Lý Th và mẹ tên Châu S còn sống nhưng đã già yếu nên không có tiền để mua đất, tiền mua đất là do ông T lúc đó làm nghề sửa chữa điện tử nên có tiền để mua. Theo bà thì đất

này là của ông Lý T chứ không phải đất của cha mẹ chết để lại. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Lý O trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do ông mua của bà 10 vào năm 1976, diện tích khoảng 1000m² với giá 02 chỉ vàng, đến năm 1978 ông cho bà Lý D mượn canh tác đến nay còn phần đất có nhà bà Lý D ở là do đất của cha ruột tên Lý Th cho ở, không có nói cho mượn hay cho luôn. Theo ông phần đất này là đất của cha mẹ để lại chứ không phải đất của ông Lý T. Yêu cầu cho gia đình bà Lý D tiếp tục được ở lại trên đất.

Người làm chứng ông Nguyễn Phước Hoa trình bày: Phần đất tranh chấp này không phải của ông mà đất này là đất của bà Mười Lụa, bà 10 bán đất này cho ai thì ông không rõ.

Người làm chứng ông Trần K và bà Trần Thị Tuyết Hoa trình bày: Ông, bà là con bà Phạm Thị Ánh (bà Mười Lụa) phần đất tranh chấp này không phải đất của bà 10 và không có bán phần đất này cho ông Lý T hay ông Lý Th (cha của ông Lý T), mẹ của ông, bà có bán một phần đất cho ông Lý O vào năm 1976 nhưng không phải phần đất các bên tranh chấp hiện nay mà là phần đất phía sau hiện nay ông Lý O và ông Lý T đang tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ổn định cho nguyên đơn ông Lý T được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 2.566,4m² thuộc một phần các thửa 12, 13 và toàn bộ thửa 14, tờ bản đồ số 02 (nay là tờ bản đồ địa chính số 34) tọa lạc tại Khu vực 1, phường 2, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Theo mảnh trích đo địa chính số: 01-2021 ngày 18/10/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng - Đo đạc V – Chi nhánh tại Hậu Giang được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V phê duyệt cập nhật ngày 20/10/2021.

Buộc các bị đơn và đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Lý D, ông Nguyễn Q gồm anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM phải có trách nhiệm di dời ra khỏi phần đất tranh chấp để giao trả phần đất lại cho ông Lý T được quyền sử dụng. Anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM được quyền ở lại trên phần đất tranh chấp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để chuẩn bị chỗ mới. Buộc ông Lý T phải có trách nhiệm bồi thường đối với phần nhà, công trình kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất và hỗ trợ chi phí di dời cho các bị đơn gồm anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM với số tiền

tổng cộng là 293.956.082 (hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn không trăm tám mươi hai) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc thẩm định, về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/3/2022, các bị đơn anh Nguyễn M, Nguyễn P, anh Nguyễn B và chị Nguyễn TM có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, ổn định phần đất tranh chấp có diện tích 2.454,8m² theo kết quả đo đạc thực tế cho các bị đơn.

Ngày 24/3/2022, nguyên đơn ông Lý T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm: Bác bỏ phần bồi thường cây trồng và công trình kiến trúc tổng trị giá 127.167.064 đồng trừ vào số tiền bản án tuyên 293.956.082 đồng, còn lại số tiền 166.789.036 đồng, đồng ý bồi thường cho phía bị đơn.

Đến ngày 27/6/2022, ông Lý T có đơn yêu cầu rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lý T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý theo bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn M đại diện cho các bị đơn anh Nguyễn P, anh Nguyễn B và chị Nguyễn TM vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, ổn định phần đất tranh chấp có diện tích 2.454,8m² theo kết quả đo đạc thực tế cho các bị đơn.

Luật sư Phan H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn M trình bày: Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị đơn có yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với phần đất tranh chấp, đề nghị xác minh thêm người làm chứng về nguồn gốc đất. Yêu cầu cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 236 của Bộ Luật dân sự để xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật để công nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của ông Lý T trong quá trình thụ lý xét xử phúc thẩm, ngày 27/6/2022 ông đã có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 312 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lý T.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn M, anh Nguyễn P, anh Nguyễn B và chị Nguyễn TM, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số: 01-2021 ngày 18/10/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng - Đo đạc V- Chi nhánh tại Hậu Giang được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V phê duyệt cập nhật ngày 20/10/2021 thì đất tranh chấp có diện tích 2.566,4m² thuộc một phần các thửa 12, 13 và thửa 14, tờ bản đồ số 02 (nay là tờ bản đồ địa chính số 34), tọa lạc tại khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Ông Lý T được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố V, tỉnh Hậu Giang) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1997 (cấp cho hộ), đến năm 2019 ông Lý T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp đổi giấy lần 2 (cấp cho cá nhân).

[2.2] Anh Nguyễn M đại diện cho các bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là của ông Lý Th (chết năm 1992) cho gia đình bị đơn ở và sử dụng từ năm 1979 đến nay, việc tặng cho chỉ nói miệng. Quá trình nhận đất sử dụng gia đình bị đơn xây dựng nhà, trồng cây trái được thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, trong đó có 03 căn nhà (01 căn nhà chính đã xây dựng lâu không nhớ rõ năm xây dựng, 01 căn nhà là cơ sở sản xuất nước màu khóm xây dựng năm 2018 và 01 căn làm phủ thờ do nguyên đơn và bị đơn cùng góp vốn xây dựng). Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh M thừa nhận, từ khi có chủ trương của nhà nước về kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình anh không có kê khai, đăng ký. Tại phiên tòa, anh M yêu cầu được tiếp tục quyền sử dụng phần đất có căn nhà của gia đình anh xây cất có diện tích 2.566,4m², phần còn lại đồng ý trả lại cho ông T. Như vậy, anh M không có chứng cứ chứng minh đất này cha, mẹ anh được ông ngoại anh là ông Lý Th tặng cho hoặc chứng cứ chứng minh đất này thuộc quyền sử dụng của cha mẹ anh là ông Nguyễn Q và bà Lý D như anh đã trình bày.

[2.3] Xét thấy, phần đất tranh chấp ông Lý T được Ủy ban nhân dân huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố V, tỉnh Hậu Giang) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1997 (cấp cho hộ), đến năm 2019 ông Lý T được Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp đổi giấy lần 2 (cấp cho cá nhân). Căn cứ vào Công văn số 2505/UBND-NC ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V xác định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định Luật đất đai năm 1993 và đến năm 2019 cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho cá nhân ông T, các thành viên trong hộ đồng ý và không có tranh chấp. Nên có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng của mình và các bị đơn là có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 312, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 99, 100, 101, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013.

Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lý T.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn M, Nguyễn P, anh Nguyễn B và chị Nguyễn TM.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ông Lý T được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 2.566,4m² thuộc một phần các thửa 12, 13 và toàn bộ thửa 14, tờ bản đồ số 02 (nay là tờ bản đồ địa chính số 34) tọa lạc tại Khu vực 1, phường 2, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Theo mảnh trích đo địa chính số: 01-2021 ngày 18/10/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng - Đo đạc V- Chi nhánh tại Hậu Giang được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V phê duyệt cập nhật ngày 20/10/2021.

Buộc các bị đơn và đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Lý D, ông Nguyễn Q gồm anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM phải có trách nhiệm di dời ra khỏi phần đất tranh chấp để giao trả phần đất lại cho ông Lý T được quyền sử dụng.

Anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM được quyền ở lại trên phần đất tranh chấp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để chuẩn bị chỗ mới.

Buộc ông Lý T phải có trách nhiệm bồi thường đối với phần nhà, công trình kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất và hỗ trợ chi phí di dời cho các bị đơn gồm anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM với số tiền tổng cộng là 293.956.082 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn gồm anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM phải liên đới chịu 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp theo biên lai thu số 0006265 ngày 08/3/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Số tiền án phí còn lại các bị đơn phải liên đới nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Ông Lý T phải chịu 14.697.800 (Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lý T được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003196 ngày 06/7/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Số tiền án phí còn lại ông Lý T phải nộp là 14.397.800 (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001303 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Anh Nguyễn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001306 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Anh Nguyễn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí số 0001307 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Chị Nguyễn TM phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001304 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Ông Lý T được nhận lại 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001317 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Tiền chi phí thẩm định, đo vẽ lược đồ và thẩm định giá tài sản tranh chấp: Tổng cộng là 17.953.000 (Mười bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn) đồng, ông Lý T đã nộp tạm ứng xong. Buộc các bị đơn và đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Lý D, ông Nguyễn Q gồm anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM phải chịu. Buộc anh Nguyễn M, anh Nguyễn B, anh Nguyễn P, chị Nguyễn TM phải liên đới nộp 17.953.000 (Mười bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn) đồng, để giao trả lại cho ông Lý T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 17/8/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Nghệ

